

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MANG THÍT  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HS-ST  
Ngày 18-02-2025

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Trí Trường**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Lê Thành Tam**

**Ông Nguyễn Văn Phẩm**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hoàng Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thái Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 74/2024/TLST - HS ngày 27 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST - HS ngày 31 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/HSST- QĐ, ngày 21 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

**Võ Thành C**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1983, tại huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Trú tại: ấp CC, xã MP, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn K, sinh năm 1953 và bà Huỳnh Thị Ngọc E, sinh năm 1955, có vợ là Trương Mai Thùy U, sinh năm 1987 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: bị cáo chưa có án tích, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:** Cao Thị Kim Q, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Trú tại: ấp CC, xã MP, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

**-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Mai Thị Ngọc L, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Trú tại: Khóm 1, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

2. Võ Văn K, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Trú tại: ấp CC, xã MP, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

3. Trương Mai Thùy U, sinh năm 1987 (có mặt)

Trú tại: Khóm 5, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Võ Thành C làm thuê cho gia đình bà Cao Thị Kim Q. Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 15/10/2024, C chạy xe đạp từ khu lò gạch của gia đình bà Q đến nhà bà Q để lấy nước đá uống, C đậu xe ở cửa nhà sau, rồi đi vào nhà lấy nước đá, khi C đi ngang phòng ngủ của bà Q (cửa phòng mở, không đóng khoá). Lúc này khoảng 06 giờ 45 phút cùng ngày, C đi vào trong phòng nhìn thấy trong tủ kính trên đầu giường ngủ có chiếc ví màu đen, C lấy mở ra thì nhìn thấy bên trong chiếc ví có 01 sợi dây chuyền màu vàng 16k, kiểu dây may đan, khoá tây và 01 mặt dây chuyền bằng cẩm thạch màu xanh, xung quanh viền ngoài bằng vàng, do không có tiền tiêu xài nên C nảy sinh ý định lấy trộm, C dùng tay trái lấy sợi dây chuyền bỏ vào trong túi quần bên trái; sau đó, C đặt chiếc ví lại vị trí ban đầu rồi đi ra bằng cửa sau lấy xe đạp đi uống rượu. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, C về nghỉ tại khu lò gạch của nhà bà Q. Khoảng 12 giờ cùng ngày, C điều khiển xe đạp đến tiệm vàng “KT” thuộc khóm 1, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long để bán sợi dây chuyền với giá 44.304.000 đồng, mặt dây chuyền C giữ lại không bán. Sau khi bán được sợi dây chuyền C đã có tiền nên đến các quán nhậu trên địa bàn huyện M uống rượu. Đến ngày 17/10/2024 C về nhà đưa cho vợ là chị Trương Mai Thuỷ U số tiền 7.500.000 đồng.

Sau đó, bị cáo C đến chợ xã NP, huyện M, mua 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ZTE Blade A35 với số tiền 1.990.000 đồng một thẻ sim điện thoại với giá 120.000 đồng. Sau khi bà Cao Thị Kim Q phát hiện tài sản bị mất thì bà Q đã trích xuất camera, phát hiện người lấy trộm là C nên đã trình báo đến Công an xã MP, huyện Mang Thít. Ngày 17/10/2024 Công an xã MP mời Võ Thành C về làm việc. Qua làm việc thì bị cáo C đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của ngành, đồng thời tạm giữ tang vật trên người bị cáo gồm:

- Tiền Việt Nam: 11.600.000 đồng (mười một triệu sáu trăm nghìn đồng)
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ZTE màu đen, số IMEI 1 866534078121242/01, số IMEI 2 866534078121259/01.
- 01 (một) sim điện thoại, số thuê bao 0782969763.
- 01 (một) mặt dây chuyền màu xanh, hình chữ nhật, viền ngoài bằng vàng.

Ngày 18/10/2024 chị Trần Ngọc Đ là người mua sợi dây chuyền đã đến Cơ quan Điều tra giao nộp 01 sợi dây chuyền bằng vàng 16k, kiểu dây may đan, khoá tây, trọng lượng 9,23 chỉ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 32/KLĐGTS ngày 22/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Mang Thít kết luận: 01 sợi dây chuyền bằng vàng 16k, kiểu dây may đan, khoá tây, trọng lượng 9,23 chỉ và 01 mặt dây chuyền bằng cẩm thạch màu xanh, xung quanh viền ngoài bằng vàng, giá trị tài sản còn lại tại thời xảy ra mất trộm là: 46.304.000 đồng.

Ngày 29/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mang Thít ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Võ Thành C, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm

2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngày 29/11/2024 ông Võ Văn K là cha ruột của bị cáo C đã nộp 7.500.000 đồng khắc phục hậu quả cho bà Mai Thị Ngọc L.

\* Vật chứng đã thu giữ và xử lý:

- 01 sợi dây chuyền bằng vàng 16k, kiểu dây may đan, khoá tây, trọng lượng 9,23 chỉ và 01 mặt dây chuyền bằng cẩm thạch màu xanh, xung quanh viền ngoài bằng vàng. Cảnh sát điều tra Công an huyện Mang Thít đã chứng minh đây là tài sản của bị hại Q. Hiện nay bị hại Q đã nhận lại xong.

- Tiền Việt Nam: 11.600.000 đồng. Cảnh sát điều tra Công an huyện Mang Thít đã chứng minh đây là tiền bị cáo C bán vàng còn lại và số tiền 7.500.000 đồng tiền khắc phục hậu quả. Hiện nay Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà L xong.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu ZTE màu đen, số IMEI 1 866534078121242/01, số IMEI 2 866534078121259/01 và 01 sim điện thoại, số thuê bao 0782969763. Đây là tài sản có liên quan đến vụ án nên tiếp tục tạm giữ chờ xử lý.

\* Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Cao Thị Kim Q đã nhận lại tài sản xong, về trách nhiệm dân sự bị hại Q không có yêu cầu bồi thường gì khác và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C.

- Bà Mai Thị Ngọc L là chủ tiệm vàng “KT” yêu cầu bị cáo C bồi thường số tiền 44.304.000 đồng. Bị cáo C thống nhất bồi thường và đã bồi thường được 19.100.000 đồng.

Đối với hành vi của chị Trần Ngọc Đ là người trực tiếp thu mua sợi dây chuyền vàng của bị cáo C tại tiệm vàng KT, khi mua vàng chị Đ không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không xử lý.

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKS.HMT ngày 26 tháng 12 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít đã truy tố bị cáo Võ Thành C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít bảo lưu quan điểm bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: xử phạt Võ Thành C từ 09 tháng đến 01 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do bị cáo không có thu nhập ổn định. Về xử lý vật chứng: tiếp tục tạm giữ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ZTE màu đen, số IMEI 1 866534078121242/01, số IMEI 2 866534078121259/01 và 01 (một) sim điện thoại, số thuê bao 0782969763 để thi hành án. Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại: buộc bị cáo tiếp tục trả cho bà Mai Thị Ngọc L số tiền 17.704.000 đồng. Buộc Trương Mai Thùy U phải nộp 7.500.000 đồng để trả lại cho bà L. Án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.260.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của bị cáo C tại phiên tòa: Do cần tiền tiêu xài nên bị cáo đã lấy trộm 01 sợi dây chuyền bằng vàng 16k, kiểu dây may đan, khoá tây, trọng lượng 9,23 chỉ và 01 mặt dây chuyền bằng cẩm thạch màu xanh, xung quanh viền ngoài bằng vàng của bà Q có giá trị 46.304.000 đồng. Bị cáo bị truy tố, xét xử là không bị oan. Bị cáo hứa trong vòng một tháng sẽ trả cho Mai Thị Ngọc L 25.204.000 đồng.

Bà Trương Mai Thùy U trình bày: tôi là vợ của bị cáo C, bị cáo có đưa tôi 7.500.000 đồng, tôi đã trả nợ và đóng tiền học cho con. Tôi đồng ý nộp lại 7.500.000 đồng để trả cho chị L.

Lời sau cùng bị cáo Võ Thành C không có ý kiến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tất cả các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng từ giai đoạn phát hiện tội phạm đến điều tra, truy tố, xét xử; các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Không có khiếu nại từ phía người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo Võ Thành C thừa nhận: Vào khoảng 06 giờ 45 phút, ngày 15/10/2024, tại nhà của bà Cao Thị Kim Q, thuộc: ấp CC, xã MP, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Bị cáo Võ Thành C đã lén lút lấy trộm tài sản là 01 sợi dây chuyền bằng vàng 16k, kiểu dây may đan, khoá tây, trọng lượng 9,23 chỉ và 01 mặt dây chuyền bằng cẩm thạch màu xanh, xung quanh viền ngoài bằng vàng, trị giá 46.304.000 đồng của bà Q.

Xét thấy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, sơ đồ hiện trường và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Võ Thành C phạm tội phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu của người khác về tài sản. Trong khi mọi người đang tích cực lao động sản xuất tạo ra của cải vật chất cho mình và góp phần làm giàu cho xã hội, thì bị cáo lại làm ngược lại, muốn có tài sản để sử dụng cho lợi ích cá nhân nhưng lại không lao động sản xuất để có thu nhập hợp pháp, mà lợi dụng sự mất cảnh giác của người khác để sau đó lấy tài sản của họ làm của riêng mình, gây bất bình, làm mất trật tự xã hội. Do đó, việc xử lý nghiêm minh đối với bị cáo là cần thiết để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho đời sống xã hội.

[2.3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, gia đình bị cáo đã bồi thường 01 phần thiệt hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là

tình tiết giảm nhẹ pháp luật quy định; Hội đồng xét xử có xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[2.4] Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu, chứng cứ và lời khai bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ZTE màu đen, số IMEI 1 866534078121242/01, số IMEI 2 866534078121259/01 và 01 (một) sim điện thoại, số thuê bao 0782969763 là tài sản có từ việc phạm tội mà có nên tiếp tục tạm giữ để thi hành án.

[4] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: buộc bị cáo tiếp tục trả cho bà Mai Thị Ngọc L số tiền 17.704.000 đồng. Bà Trương Mai Thùy U đã sử dụng số tiền 7.500.000 đồng từ việc bán vàng trộm được; do đó, bà U phải nộp để trả lại cho bà L.

Đối với ông Võ Văn K, ông K là cha của bị cáo, đã nộp 7.500.000 đồng. Ông K vắng mặt tại phiên tòa, trong hồ sơ vụ án quan điểm của ông K là nộp 7.500.000 đồng là để khắc phục hậu quả thay cho bị cáo; khi nào bị cáo có tiền thì sẽ trả lại cho ông, quan điểm này chưa rõ ràng. Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền trên để làm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Việc ông K có đòi bị cáo trả lại 7.500.000 đồng hay không là quyền của ông K và thuộc một quan hệ khác.

[5] Đối với quyết định truy tố của bản Cáo trạng và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và bị cáo phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả bà L là: 25.204.000 đồng x 5% = 1.260.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Võ Thành C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Võ Thành C 09 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Võ Thành C.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục tạm giữ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ZTE màu đen, số IMEI 1 866534078121242/01, số IMEI 2 866534078121259/01 và 01 (một) sim điện thoại, số thuê bao 0782969763 để thi hành án.

Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 27/12/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mang Thít với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mang Thít.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 buộc bị cáo tiếp tục trả cho bà Mai Thị Ngọc L số tiền 17.704.000 đồng. Buộc Trương Mai Thùy U phải nộp 7.500.000 đồng để trả lại cho bà L.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Võ Thành C nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.260.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Công an, Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND, Công an huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã MP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Phạm Trí Trường**